CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Hà Nội - Tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX
Date: 2026.08.13 17:12:08 +07'00'

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**Trang**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Trung tâm Tin học và Tự động hóa của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101409374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/9/2003, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 27/7/2023.

Tên tiếng anh: Petrolimex Information Technology and Telecommunication Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PIACOM., JSC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 27/7/2023 là: 39.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ đồng chẵn*).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty: Tầng 15, tòa nhà DETECH TOWER, số 8 Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã PIA.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ , BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên
Ông Trương Đức Chính	Thành viên độc lập
Ông Hoàng Hải Đường	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Hồng Hà	Trưởng ban
Bà Đỗ Thùy Linh	Thành viên
Bà Trần Thị Hường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quý	Giám đốc
Ông Trần Đăng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0101409374 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX
P. VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Quý
Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 337/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex, được lập ngày 11/8/2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)**	**100**		**72.338.077.050**	**94.635.761.922**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**24.941.992.133**	**33.813.466.575**
1.	Tiền	111		6.850.292.121	9.219.932.223
2.	Các khoản tương đương tiền	112		18.091.700.012	24.593.534.352
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5.2**	**3.471.812.862**	**6.891.531.139**
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		3.471.812.862	6.891.531.139
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**30.096.817.862**	**43.887.401.737**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	24.903.121.078	42.048.309.256
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.849.087.401	1.346.109.922
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	4.174.215.001	3.409.905.893
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(2.829.605.618)	(2.916.923.334)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.7**	**12.314.855.769**	**7.746.544.157**
1.	Hàng tồn kho	141		12.314.855.769	7.746.544.157
VI.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**1.512.598.424**	**2.296.818.314**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	1.419.808.964	2.296.818.314
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.15	92.789.460	-
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+270)**	**200**		**20.317.865.206**	**20.535.484.409**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**497.580.000**	**518.680.000**
5.	Phải thu dài hạn khác	215	5.5	497.580.000	518.680.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.075.881.939**	**2.843.540.938**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.075.881.939	2.843.540.938
	- Nguyên giá	*222*		*18.750.502.949*	*18.849.544.690*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(16.674.621.010)*	*(16.006.003.752)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
	- Nguyên giá	*228*		*1.574.005.900*	*1.574.005.900*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.574.005.900)*	*(1.574.005.900)*
V.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**13.472.146.242**	**13.973.715.000**
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.11	13.472.146.242	13.973.715.000
VII.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**4.272.257.025**	**3.199.548.471**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	4.272.257.025	3.199.548.471
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	**280**		**92.655.942.256**	**115.171.246.331**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**28.404.546.894**	**41.453.003.831**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**28.284.546.894**	**41.333.003.831**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.515.268.996	25.590.540.314
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	4.637.504.062	1.598.076.698
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.14	5.871.466.960	21.466.960
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.15	1.425.921.563	3.034.616.870
5.	Phải trả người lao động	315		1.196.144.285	6.472.186.340
9.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.16	48.000.000	122.883.464
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320	5.17	307.570.433	963.370.288
12.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	5.18	136.626.652	177.248.463
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.146.043.943	3.352.614.434
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**120.000.000**	**120.000.000**
8.	Phải trả dài hạn khác	338	5.17	120.000.000	120.000.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**5.19**	**64.251.395.362**	**73.718.242.500**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.000.000.000	39.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*39.000.000.000*	*39.000.000.000*
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		20.249.814.164	18.897.114.164
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.001.581.198	15.821.128.336
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*2.195.828.336*	*2.293.956.019*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*2.805.752.862*	*13.527.172.317*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**92.655.942.256**	**115.171.246.331**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Phương Thảo	Cao Thị Hồng Vân	Nguyễn Văn Quý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	73.582.681.989	55.007.470.564
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		73.582.681.989	55.007.470.564
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	50.621.970.268	32.352.105.300
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**22.960.711.721**	**22.655.365.264**
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	659.771.051	390.617.405
8.	Chi phí tài chính	23	6.4	45.395.928	10.845.331
	Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	6.5	20.069.962.583	20.035.675.563
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		-	-
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}**	**30**		**3.505.124.261**	**2.999.461.775**
12.	Thu nhập khác	31	6.6	15.030.407	17.271.222
13.	Chi phí khác	32	6.6	12.963.590	555.940
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.6**	**2.066.817**	**16.715.282**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**3.507.191.078**	**3.016.177.057**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	701.438.216	603.235.411
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**2.805.752.862**	**2.412.941.646**
19	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.8**	**719**	**619**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Phương Thảo	Cao Thị Hồng Vân	Nguyễn Văn Quý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	***01***		***3.507.191.078***	***3.016.177.057***
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		843.331.258	815.972.196
- Các khoản dự phòng	03		(127.939.527)	(452.743.204)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		13.086.784	10.678.335
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(639.297.674)	(382.260.411)
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	***08***		***3.596.371.919***	***3.007.823.973***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.806.285.959	17.014.220.770
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.568.311.612)	(7.605.642.871)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.033.204.328)	(10.216.454.843)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(195.699.204)	1.766.754.802
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.893.966.190)	(2.153.012.277)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.629.170.491)	(1.994.029.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(1.917.693.947)***	***(180.339.955)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.012.711.296)	(1.040.637.746)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.281.723)	(76.611.804)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		639.297.674	382.260.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(6.953.695.345)**	**(734.989.139)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(8.871.389.292)**	**(915.329.094)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5.1**	**33.813.466.575**	**25.269.180.330**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(85.150)	(4.508.767)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**24.941.992.133**	**24.349.342.469**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Phương Thảo	Cao Thị Hồng Vân	Nguyễn Văn Quý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Trung tâm Tin học và Tự động hóa của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101409374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/9/2003, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 27/7/2023.

Tên tiếng anh: Petrolimex Information Technology and Telecommunication Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PIACOM., JSC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 27/7/2023 là: 39.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ đồng chẵn)*.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty: Tầng 15, Tòa nhà Detech Tower, số 8 Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội,Việt Nam..

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã PIA.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 134 người (tại ngày 31/12/2025 là 134 người).

1.2 Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất máy tính, Sản xuất thiết bị tự động hoá);
- Hoạt động viễn thông khác (Chi tiết: Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ Internet (IAP, ISP), Cung cấp (trực tiếp, bán lại) các dịch vụ viễn thông (cơ bản, giá trị gia tăng));
- Lập trình máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất phần mềm);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Chi tiết: Tư vấn phần mềm);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: Lắp đặt máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Chi tiết: Cung cấp phần mềm, Mua bán máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị đo lường điều khiển, thiết bị tự động hoá, thiết bị điện, linh kiện điện tử);
- ...

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Cung cấp phần mềm; Mua bán máy vi tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp; Bảo dưỡng sửa chữa máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp; Sản xuất phần mềm; Tư vấn phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	209 Hoàng Văn Thụ - Phường Phú Nhuận - TP Hồ Chí Minh	Cung cấp phần mềm; Mua bán máy vi tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp; Bảo dưỡng sửa chữa máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh miền Nam đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm giá gốc tại thời điểm mua.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong vòng từ 03 - 05 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí chờ phân bổ khác:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và chi phí khác

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và chi phí khác có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa, dự phòng bảo hành công trình và dự phòng tiền lương.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thiết bị và doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của bất động sản, sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ phần mềm, bán hàng hóa, thiết bị công nghệ thông tin và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	2.442.065.944	2.268.761.983
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	4.408.226.177	6.951.170.240
Tương đương tiền (**)	18.091.700.012	24.593.534.352
Cộng	**24.941.992.133**	**33.813.466.575**

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	3.931.468.028	6.468.868.468
Đối tượng khác	476.758.149	482.301.772
Cộng	**4.408.226.177**	**6.951.170.240**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	2.034.422.766	4.049.665.553
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (2)	8.398.103.129	13.625.745.512
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	7.659.174.117	6.918.123.287
Cộng	**18.091.700.012**	**24.593.534.352**

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

(2) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển với lãi suất 4,75%/năm.

(3) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**3.471.812.862**	-	-	**6.891.531.139**	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	***3.471.812.862***	-	-	**6.891.531.139**	-	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (1)	3.471.812.862	-	-	6.891.531.139	-	-
Cộng	**3.471.812.862**	-	-	**6.891.531.139**	-	-

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển với lãi suất 6,5%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**24.903.121.078**	**(2.829.605.618)**	**42.048.309.256**	**(2.916.923.334)**
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	8.085.973.845	-	11.692.039.931	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	3.450.156.814	-	-	-
Đối tượng khác	13.366.990.419	(2.829.605.618)	30.356.269.325	(2.916.923.334)
Cộng	**24.903.121.078**	**(2.829.605.618)**	**42.048.309.256**	**(2.916.923.334)**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*	***15.243.149.701***	-	***26.313.693.391***	-

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**3.849.087.401**	-	**1.346.109.922**	-
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Công nghệ Cao B&T Việt Nam	-	-	173.880.000	-
Công ty CP Công nghệ và Đào tạo COE Việt Nam	-	-	197.520.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ tổng hợp TTV	838.471.500	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Thiên	-	-	235.589.640	-
Công ty TNHH Kỹ thuật ANP	-	-	174.346.480	-
Ông Trần Văn Xuyên	560.000.000	-	320.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	1.719.153.615	-	-	-
Đối tượng khác	731.462.286	-	244.773.802	-
Cộng	**3.849.087.401**	-	**1.346.109.922**	-
Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*	***1.727.196.151***	-	***5.915.482***	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.5 Phải thu khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**4.174.215.001**	-	**3.409.905.893**	-
Tạm ứng (*)	810.155.389	-	1.106.893.965	-
Ký cược, ký quỹ	1.658.794.680	-	1.561.456.310	-
Phải thu khác	1.705.264.932	-	741.555.618	-
- Các đối tượng khác	*1.705.264.932*	-	*741.555.618*	-
Dài hạn	**497.580.000**	-	**518.680.000**	-
Ký cược, ký quỹ	497.580.000	-	518.680.000	-
Cộng	**4.671.795.001**	-	**3.928.585.893**	-

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.6 Nợ xấu

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	**2.948.015.508**	**(2.829.605.618)**	**118.409.890**	**3.239.074.560**	**(2.916.923.334)**	**322.151.226**
Công ty TNHH TMDV Xăng dầu Châu Thành	-	-	-	291.059.052	(87.317.716)	203.741.336
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	846.392.191	(846.392.191)	-	846.392.191	(846.392.191)	-
Công ty CP Kho cảng Ngoại quan và TM Dầu khí Nam Sông Hậu Gò Công	1.864.803.427	(1.864.803.427)	-	1.864.803.427	(1.864.803.427)	-
Các đối tượng khác	236.819.890	(118.410.000)	118.409.890	236.819.890	(118.410.000)	118.409.890
Cộng	**2.948.015.508**	**(2.829.605.618)**	**118.409.890**	**3.239.074.560**	**(2.916.923.334)**	**322.151.226**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.529.390.347	-	3.840.686.067	-
Công cụ, dụng cụ	219.118.777	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.488.908.216	-	1.684.939.342	-
Thành phẩm	1.880.560.533	-	2.038.917.928	-
Hàng hóa	196.877.896	-	182.000.820	-
Cộng	**12.314.855.769**	-	**7.746.544.157**	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**1.419.808.964**	**2.296.818.314**
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	734.352.645	1.252.589.100
Công cụ dụng cụ	23.397.767	57.348.148
Chi phí chờ phân bổ khác	662.058.552	986.881.066
Dài hạn	**4.272.257.025**	**3.199.548.471**
Chi phí sửa chữa văn phòng	726.479.344	948.596.284
Công cụ dụng cụ	831.173.551	1.180.944.440
Chi phí dự án đầu tư Xây dựng ứng dụng bán hàng tự động tại cửa hàng xăng dầu	504.000.000	-
Chi phí dự án đầu tư Nâng cấp nền tảng xây dựng ứng dụng Mobile App	790.640.000	-
Chi phí dự án đầu tư Xây dựng ứng dụng bán hàng trên thiết bị bán hàng POS thế hệ mới	860.500.000	-
Chi phí chờ phân bổ khác	559.464.130	1.070.007.747
Cộng	**5.692.065.989**	**5.496.366.785**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2026	**12.060.807.447**	**5.356.345.909**	**1.432.391.334**	**18.849.544.690**
Mua trong kỳ	-	-	75.672.259	75.672.259
Thanh lý, nhượng bán	(174.714.000)	-	-	(174.714.000)
Số dư tại 30/06/2026	**11.886.093.447**	**5.356.345.909**	**1.508.063.593**	**18.750.502.949**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2026	**9.521.882.320**	**5.356.345.909**	**1.127.775.523**	**16.006.003.752**
Khấu hao trong kỳ	766.501.979	-	76.829.279	843.331.258
Thanh lý, nhượng bán	(174.714.000)	-	-	(174.714.000)
Số dư tại 30/06/2026	**10.113.670.299**	**5.356.345.909**	**1.204.604.802**	**16.674.621.010**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2026	**2.538.925.127**	-	**304.615.811**	**2.843.540.938**
Tại 30/06/2026	**1.772.423.148**	-	**303.458.791**	**2.075.881.939**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 13.597.523.005 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 13.705.062.719 đồng).

(*) Danh mục tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

Đơn vị tính: VND

		Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
STT	Loại và tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô INFINITI QX60 30F-417.84	3.246.880.000	3.246.880.000	-	3.246.880.000	3.246.880.000	-
	Tổng cộng	**3.246.880.000**	**3.246.880.000**	-	**3.246.880.000**	**3.246.880.000**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	**1.574.005.900**	**1.574.005.900**
Số dư tại 30/06/2026	**1.574.005.900**	**1.574.005.900**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	**1.574.005.900**	**1.574.005.900**
Khấu hao trong kỳ		-
Số dư tại 30/06/2026	**1.574.005.900**	**1.574.005.900**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	-	-
Tại 30/06/2026	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 1.574.005.900 VND (tại ngày 01/01/2026 là 1.574.005.900 VND).

(*) Danh mục tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

Đơn vị tính: VND

		Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
STT	Loại và tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Phần Mềm Hệ Thống Thông Tin Tại PIACOM	905.325.000	905.325.000	-	905.325.000	905.325.000	-
2	Phần mềm Support Center	386.000.000	386.000.000	-	386.000.000	386.000.000	-
	Tổng cộng	**1.291.325.000**	**1.291.325.000**	**-**	**1.291.325.000**	**1.291.325.000**	**-**

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Xây dựng phần mềm EGAS-II	8.810.926.242	8.810.926.242	7.969.490.000	7.969.490.000
Dự án Xây dựng phần mềm quản lý kho xăng dầu (TAS)	2.619.960.000	2.619.960.000	2.319.960.000	2.319.960.000
Dự án Xây dựng ứng dụng bán hàng trên thiết bị bán hàng POS thế hệ mới	-	-	851.895.000	851.895.000
Dự án khác	2.041.260.000	2.041.260.000	2.832.370.000	2.832.370.000
Cộng	**13.472.146.242**	**13.472.146.242**	**13.973.715.000**	**13.973.715.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**8.515.268.996**	**25.590.540.314**
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Quang	-	772.200.000
Công ty Cổ phần Phần mềm D2S	-	197.554.200
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	-	3.651.700.000
Công ty Cổ phần Trí Tuệ Việt	1.487.094.200	1.204.498.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Techpro	2.186.444.880	1.950.480.000
Công ty CP Hỗ Trợ Phát Triển Công Nghệ DETECH	1.172.610.063	64.717.793
Đối tượng khác	3.669.119.853	17.749.390.321
Cộng	**8.515.268.996**	**25.590.540.314**
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan	***5.423.480***	***490.603.036***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**4.637.504.062**	**1.598.076.698**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	1.930.350.360	645.201.660
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	-	370.456.688
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Chương Dương	223.411.250	211.339.250
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phú Xuân	164.236.100	164.236.100
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	785.505.600	-
Người mua ứng tiền trước khác	1.534.000.752	206.843.000
Cộng	**4.637.504.062**	**1.598.076.698**
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	***3.371.858.007***	***1.015.658.348***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.14 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (*)	5.871.466.960	21.466.960
Cộng	**5.871.466.960**	**21.466.960**
Trong đó:		
Phải trả là các bên liên quan	***2.944.357.500***	-
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

(*) Cổ tức phải trả bao gồm 5.850.000.000 đồng là cổ tức phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 và một phần cổ tức chưa được trả từ các năm trước cho các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Phải nộp	**3.034.616.870**	**2.422.136.511**	**4.030.831.818**	**1.425.921.563**
Ngắn hạn	***3.034.616.870***	***2.422.136.511***	***4.030.831.818***	***1.425.921.563***
Thuế giá trị gia tăng	1.003.068.758	440.384.139	1.013.845.414	429.607.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.893.966.190	701.438.216	1.893.966.190	701.438.216
Thuế thu nhập cá nhân	137.581.922	1.280.314.156	1.123.020.214	294.875.864
Phải thu	**-**	**408.179.229**	**323.834.699**	**92.789.460**
Ngắn hạn	**-**	***408.179.229***	***323.834.699***	***92.789.460***
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	394.391.908	305.824.913	88.566.995
Thuế xuất nhập khẩu	-	13.787.321	18.009.786	4.222.465

5.16 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**48.000.000**	**122.883.464**
Doanh thu nhận trước	48.000.000	122.883.464
Cộng	**48.000.000**	**122.883.464**

5.17 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**307.570.433**	**963.370.288**
Kinh phí công đoàn	225.811.159	361.667.050
Bảo hiểm xã hội	-	78.295.398
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.759.274	523.407.840
Dài hạn	**120.000.000**	**120.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	120.000.000	120.000.000
Cộng	**427.570.433**	**1.083.370.288**

5.18 Dự phòng phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**136.626.652**	**177.248.463**
Dự phòng bảo hành công trình	136.626.652	177.248.463
Cộng	**136.626.652**	**177.248.463**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	**39.000.000.000**	**17.498.214.164**	**16.229.456.019**	**72.727.670.183**
Lãi trong năm trước	-	-	13.527.172.317	13.527.172.317
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.398.900.000	(1.398.900.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.516.600.000)	(5.516.600.000)
Chia cổ tức	-	-	(7.020.000.000)	(7.020.000.000)
Số dư tại 01/01/2026	**39.000.000.000**	**18.897.114.164**	**15.821.128.336**	**73.718.242.500**
Lãi trong năm nay	-	-	2.805.752.862	2.805.752.862
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.352.700.000	(1.352.700.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý (i)	-	-	(6.422.600.000)	(6.422.600.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	(5.850.000.000)	(5.850.000.000)
Số dư tại 30/6/2026	**39.000.000.000**	**20.249.814.164**	**5.001.581.198**	**64.251.395.362**

(i) Công ty thực hiện phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 055/PIACOM-NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2026 của Công ty, cụ thể như sau: Chi trả cổ tức 5.850.000.000 đồng; Trích quỹ đầu tư phát triển 1.352.700.000 đồng; Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý 6.422.600.000 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	19.629.050.000	19.629.050.000
Các cổ đông khác	19.370.950.000	19.370.950.000
Cộng	**39.000.000.000**	**39.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	39.000.000.000	39.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**5.850.000.000**	**7.020.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**3.900.000**	**3.900.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**3.900.000**	**3.900.000**
Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	3.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**3.900.000**	**3.900.000**
Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	3.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

a. Ngoại tệ

	30/06/2026		01/01/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.003,40	236.681.379	100,00	2.611.000
Tổng	**9.003,40**	**236.681.379**	**100,00**	**2.611.000**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu kinh doanh thiết bị	37.713.400.837	21.192.466.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm	35.869.281.152	33.815.003.903
Cộng	**73.582.681.989**	**55.007.470.564**
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan	***67.289.597.397***	***36.757.104.807***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn của thiết bị đã bán	35.448.425.334	16.025.015.452
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.173.544.934	16.327.089.848
Cộng	**50.621.970.268**	**32.352.105.300**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	639.297.674	382.260.411
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	20.473.377	8.356.994
Cộng	**659.771.051**	**390.617.405**

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	32.309.144	166.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	13.086.784	10.678.335
Cộng	**45.395.928**	**10.845.331**

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	**20.069.962.583**	**20.035.675.563**
Chi phí nhân viên	8.724.536.434	8.809.582.361
Chi phí vật liệu, bao bì	1.251.129.164	237.299.750
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	851.891.755	1.017.995.267
Chi phí khấu hao TSCĐ	826.028.092	814.404.030
Chi phí dự phòng	(87.317.716)	(439.652.648)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.955.173.765	4.449.037.016
Chi phí bằng tiền khác	2.548.521.089	5.147.009.787
Cộng	**20.069.962.583**	**20.035.675.563**

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Thu quyết toán chấm dứt hợp đồng lao động	12.197.073	17.271.222
Thu nhập khác	2.833.334	-
Cộng	**15.030.407**	**17.271.222**
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	12.962.540	555.940
Chi phí khác	1.050	-
Cộng	**12.963.590**	**555.940**
Lợi nhuận khác	**2.066.817**	**16.715.282**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.507.191.078**	**3.016.177.057**
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.507.191.078	3.016.177.057
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**701.438.216**	**603.235.411**

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**2.805.752.862**	**2.412.941.646**
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	**2.805.752.862**	**2.412.941.646**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	3.900.000	3.900.000
Lãi/ (lỗ)cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**719**	**619**

(*) Công ty chưa có dự tính phần trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.366.156.600	23.398.921.953
Chi phí nhân công	18.285.193.590	19.917.450.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	843.331.258	815.972.196
Chi phí dự phòng	(87.317.716)	(439.652.648)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.481.976.671	14.440.875.881
Chi phí khác bằng tiền	7.606.561.322	4.440.734.831
Cộng	**73.495.901.725**	**62.574.302.294**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex (PGCC)	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (PLAND)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con của PLAND
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (PECO)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (PEC)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (PITCO)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con của PITCO
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Cùng Công ty mẹ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty con cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

a. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bán hàng		**67.289.597.397**	**36.757.104.807**
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	23.401.809.218	11.320.114.726
Các Công ty xăng dầu MTV thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty con cùng Tập đoàn	38.304.889.508	22.495.685.752
Công ty Cổ phần Thương Mại và Vận Tải Petrolimex Hà Nội	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	86.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	39.731.300	-
CTCP - TCT Xây lắp & Thương mại PLX	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	189.751.110	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cái Bè	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	157.953.828	-
Công Ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	183.434.628	175.334.628
Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	220.120.184	-
Công ty CP Vận tải xăng dầu VIPCO	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	16.470.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	391.245.157	240.096.000
Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	1.490.000	
Công ty Cổ phần Thương Mại và Vận tải Petrolimex Hà Tây	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	342.148.500	510.008.500
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	554.348.500	-
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	104.650.000
Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	973.140.000	465.990.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bán hàng		**67.289.597.397**	**36.757.104.807**
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	17.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	2.387.962.000	681.820.000
Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	48.000.000
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương Mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp	-	427.680.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	125.103.464	184.325.201
Mua hàng		**502.209.618**	**604.666.658**
Công ty cổ phần Bảo Hiểm Petrolimex - Công ty bảo hiểm PJICO Đông Đô	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	377.292.500	325.546.000
Các công ty xăng dầu MTV thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty con 100% của Tập đoàn Xăng dầu	103.918.718	56.436.501
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu	Cùng Công ty mẹ	-	38.934.157
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương Mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp	20.998.400	183.750.000
Chia cổ tức		**2.944.357.500**	**3.533.229.000**
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương Mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp	2.944.357.500	3.533.229.000

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		**15.243.149.701**	**26.313.693.391**
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	8.085.973.845	11.692.039.931
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	40.674.340	81.348.680
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	32.947.710	-
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Dịch Vụ Petrolimex Hà Tây	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	163.108.500	-
Công Ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	180.574.248	-
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	452.349.700	910.680.100
Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	1.746.480.600
Công ty Cổ phần Thương Mại và Vận Tải Petrolimex Hà Nội	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	109.480.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	137.393.270
Công ty TNHH Castrol BP-PETCO	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	71.550.000	71.550.000
Các Công ty xăng dầu MTV thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty con 100% của Tập đoàn Xăng dầu	6.215.971.358	11.564.720.410
Trả trước cho người bán		**1.727.196.151**	**5.915.482**
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	1.719.153.615	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Công ty con 100% của Tập đoàn	8.042.536	5.915.482
Phải trả người bán		**5.423.480**	**490.603.036**
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	-	484.512.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	5.423.480	6.091.036
Người mua trả tiền trước		**3.371.858.007**	**1.015.658.348**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	785.505.600	-
Tổng Công Ty GAS Petrolimex - CTCP	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	90.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cái Bè	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	1.385.325	-
Công Ty TNHH MTV Đóng Tàu Và Thương Mại Petrolimex (PSC)	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	207.400.000	-
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	370.456.688
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	1.930.350.360	645.201.660
Các Công ty xăng dầu MTV thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty con 100% của Tập đoàn Xăng dầu	357.216.722	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận		**2.944.357.500**	-
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương Mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp	2.944.357.500	-

7.2 Báo cáo bộ phận

Đơn vị tính: VND

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

	Kinh doanh thiết bị	Cung cấp dịch vụ và phần mềm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần	37.713.400.837	35.869.281.152	73.582.681.989
Giá vốn	35.448.425.334	15.173.544.934	50.621.970.268
Lợi nhuận gộp	**2.264.975.503**	**20.695.736.218**	**22.960.711.721**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	2.264.975.503	20.695.736.218	22.960.711.721
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	659.771.051
Chi phí tài chính			(45.395.928)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	-	-	(20.069.962.583)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	2.066.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(701.438.216)
Lợi nhuận trong kỳ			**2.805.752.862**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

	Kinh doanh thiết bị	Cung cấp dịch vụ và phần mềm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu	21.192.466.661	33.815.003.903	55.007.470.564
Giá vốn	16.025.015.452	16.327.089.848	32.352.105.300
Lợi nhuận gộp	**5.167.451.209**	**17.487.914.055**	**22.655.365.264**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	5.167.451.209	17.487.914.055	22.655.365.264
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	390.617.405
Chi phí tài chính	-	-	(10.845.331)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	-	-	(20.035.675.563)
Lợi nhuận khác	-	-	16.715.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(603.235.411)
Lợi nhuận trong kỳ			**2.412.941.646**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 30/6/2026 như sau:

	Kinh doanh thiết bị	Cung cấp dịch vụ và phần mềm	Tổng
TÀI SẢN			
Chi phí trả trước và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	16.913.229.716	16.913.229.716
Hàng tồn kho	10.697.060.156	1.617.795.613	12.314.855.769
Tài sản không phân bổ	-	-	63.427.856.771
Tổng tài sản			**92.655.942.256**
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	28.404.546.894
Tổng nợ phải trả			**28.404.546.894**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2026 như sau:

	Kinh doanh thiết bị	Cung cấp dịch vụ và phần mềm	Tổng
TÀI SẢN			
Chi phí trả trước và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	16.018.179.421	16.018.179.421
Hàng tồn kho	7.306.841.886	439.702.271	7.746.544.157
Tài sản không thể phân bổ	-	-	91.406.522.753
Tổng tài sản			**115.171.246.331**
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	41.453.003.831
Tổng nợ phải trả			**41.453.003.831**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán tổng hợp giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp như sau:

	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	21.466.960	-	21.466.960
Phải trả ngắn hạn khác	963.370.288	984.837.248	(21.466.960)

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Phương Thảo	Cao Thị Hồng Vân	Nguyễn Văn Quý